

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **162/2022/DS-ST**

Ngày: 24/5/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trầm**

2. Ông **Nguyễn Đức Duy**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 23 và 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-DS ngày 19/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-DS ngày 05/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Kiến Đ**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh **Nguyễn Thành P**, sinh năm 1977. Địa chỉ: 166/19B, đường LTK, phường 6, Tp. MT, tỉnh Tiền Giang (văn bản ủy quyền ngày 07/3/2022).

- Bị đơn: 1/ **Hứa Thị Tiền T**, sinh năm 1979;

2/ **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1976;

Cùng ngụ địa chỉ: ấp 1, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt anh P; vắng mặt chị T, anh L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 26/01/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê Kiến Đ và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Thành P trình bày:*

Anh Đ và anh L có quan hệ bà con. Do quen biết, anh Đ có cho anh L, chị T vay số tiền 1.500.000.000đồng, vay không lấy lãi. Thời hạn vay là 01 năm. Cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 07/4/2020, anh L và chị T vay số tiền 1.300.000.000đồng
- Ngày 09/4/2020, anh L và chị T vay số tiền 200.000.000đồng.

Trước khi nhận tiền vay, anh L đều có điện thoại cho anh Đ và nói với anh Đ là cứ đưa tiền cho chị T, nên trong biên nhận vay tiền chỉ có chị T ký tên. Đến nay đã hơn 01 năm, anh L và chị T vẫn chưa trả nợ gốc cho anh Đ. Nay anh Đ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh L, chị T trả cho anh Đ 1.500.000.000đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Trong suốt quá trình tố tụng, các bị đơn đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên hòa giải, công khai chứng cứ và tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ. Các bị đơn cũng không có bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa hôm nay

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có trình cho Hội đồng xét xử Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh Lê Kiến Đ, anh P xác định lại anh Đ chỉ yêu cầu chị T trả cho anh Đ 1.500.000.000đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, anh Đ không yêu cầu trả lãi đối với số tiền này.

- Các bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị đơn nhiều lần vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt các bị đơn.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh Đ, tại tòa anh P khẳng định việc thay đổi này hoàn toàn là sự tự nguyện của anh Đ, phù hợp với quy định tại Điều 5 và Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] - Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa, anh P trình cho Hội đồng xét xử bản chính mảnh giấy thể hiện nội dung: “Hôm nay ngày 09 – 04 – 2020, tôi Hứa Thị Tiên T CMND số 311599965 tôi có mượn thêm của ông Lê Kiến Đ số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Tổng cộng là 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng)”. Bên dưới nội dung này còn thể hiện phần chữ ký và tên Lê Kiến Đ, Hứa Thị Tiên T, người làm chứng Nguyễn Thị V.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập, tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ cho các bị đơn, nhưng các bị đơn không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó, căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc chị T có vay của anh Đ tổng cộng 1.500.000.000đồng là có thật. Do đó, anh Đ khởi kiện yêu cầu chị T trả cho anh Đ số tiền này ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có căn cứ, được quy định tại Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] - Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí, lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu án phí là: 36.000.000đồng + 3% x (1.500.000.000đồng – 800.000.000đồng) = 57.000.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244 và Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Kiến Đ.

Buộc chị Hứa Thị Tiên T trả cho anh Lê Kiến Đ số tiền nợ gốc **1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng**. Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thi hành số tiền nợ nói trên cho anh Đ thì chị T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị T phải chịu 57.000.000 (năm mươi bảy triệu) đồng.

- Hoàn lại cho anh Đ 28.500.000 (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003932 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo:

- Anh Đ, anh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh L, chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS.HCT.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**ĐÃ KÝ
HUỲNH THỊ TRÚC MAI**